

Thứ ba, ngày 9 tháng 5 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giằng co quanh tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/5/2023		●	
Tuần 8/5-12/5/2023		●	
Tháng 05/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi không thành công trong việc chinh phục ngưỡng kháng cự 1,060, thị trường lui trở lại và đóng cửa tại mốc 1,053.77, gần như không thay đổi so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 10/19 ngành tăng điểm, trong đó những ngành tăng tốt trong hôm nay có thể kể đến Tài nguyên Cơ bản, Dầu khí,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, thị trường có thể sẽ giằng co trong vùng 1,050-1,060 để tìm điểm cân bằng sau phiên hồi phục mạnh trước đó.

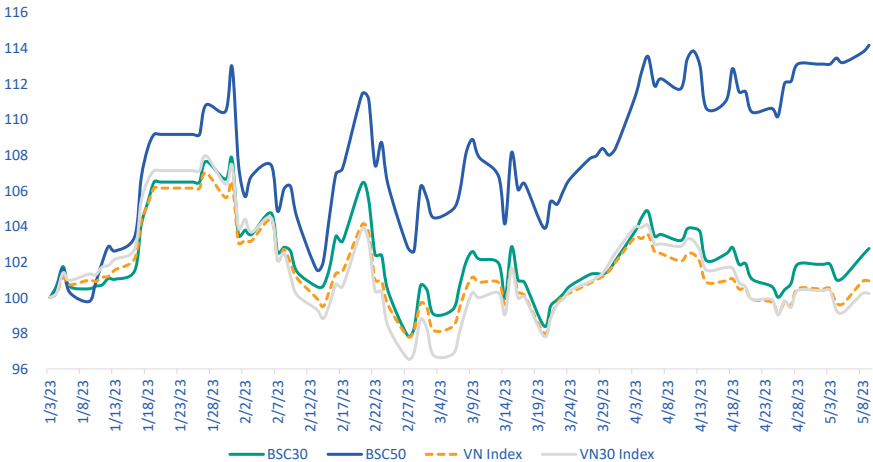
Hợp đồng tương lai: VN30F2309 giảm theo nhịp vận động của VN30, các HĐTL còn lại biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 9/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+0.33** điểm, đóng cửa **1053.77** điểm. HNX-Index **+1.03** điểm, đóng cửa 211.95 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.51)**, **GAS (+0.48)**, **HPG (+0.29)**, **KBC (+0.27)**, **VNM (+0.16)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.83)**, **VIC (-0.29)**, **SAB (-0.23)**, **MSN (-0.18)**, **VJC (-0.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,040** tỷ đồng, giảm **-13.02%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,338 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.03 điểm. Thị trường có **214** mã tăng, 63 mã tham chiếu, **163** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-230.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (-55.55 tỷ)**, **KBC (-26.4 tỷ)**, **NLG (-23.44 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-24.51** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1053.77**

Giá trị: 8040.49 tỷ **0.33 (0.03%)**

Khối ngoại (ròng): -230.32 tỷ

HNX-INDEX **211.95**

Giá trị: 1175.7 tỷ **1.03 (0.49%)**

Khối ngoại (ròng): -24.51 tỷ

UPCOM-INDEX **78.34**

Giá trị: 449.73 tỷ **-0.04 (-0.05%)**

Khối ngoại (ròng): -2.03 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	72.4	-1.05%
Giá vàng	2,025	0.18%
Tỷ giá USD/VND	23,621	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,754	-0.17%
Tỷ giá JPY/VND	17,401	0.29%
LS liên NH 1 tháng	5.3%	0.04%
LS TPCP 5 năm	2.8%	0.02%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	33.20	CTG	-55.55
HPG	24.64	KBC	-26.40
POW	14.96	NLG	-23.44
PLX	14.94	SSI	-14.22
STB	13.03	VND	-13.26

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 9/5

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 8/5, dầu thô Brent tăng 1.71 USD hay 2.3% lên 77.01 USD/thùng. Dầu thô WTI cũng tăng 1.82 USD hay 2.6% lên 73.16 USD/thùng.
- Giá dầu tăng hơn 2% do lo sợ suy thoái của Mỹ dịu đi và một số nhà đầu tư nhận thấy giá dầu giảm trong 3 tuần bởi lo ngại về nhu cầu là quá mức.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.2% lên 2,021.37 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 6 đóng cửa tăng 0.4% lên 2033.2 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trong phiên đầu tuần trước số liệu lạm phát được công bố trong tuần này có thể cung cấp manh mối về triển vọng lãi suất của Mỹ.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên tăng 5% lên 721.5 CNY (104.33 USD)/tấn sau khi xuống mức thấp nhất 5 tháng vào cuối tuần trước. Hợp đồng quặng sắt giao tháng 6 tại sàn giao dịch Singapore tăng khoảng 7% lên 105.7 USD/tấn sau khi giảm 1.7% xuống 97.05 USD trong đầu phiên này.
- Quặng sắt được thúc đẩy bởi dự đoán nhu cầu cải thiện trong thị trường thép.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2023 đóng cửa giảm 0.23 US cent hay 0.9% xuống 26.09 US cent/lb, tuần trước giá giảm 2.5%,

Thị trường chứng khoán thế giới

	9/5	% 9/5	8/5	% 8/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1053.77	0.03%	1053.44	8.44%	1.36%	-2.29%
S&P 500			4138.12	0.05%	-0.71%	1.17%
HDTL S&P500	4145.00	-0.19%	4152.75	0.18%	0.20%	0.31%
Shang-hai	3357.67	-1.10%	3395.00	9.90%	2.18%	1.86%
Euro Stoxx	4333.28		4348.65	9.91%	0.89%	0.81%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/27/2023	VGT	11.6	13.5	10.65	11.7	12	0.86%	Có thể tiếp tục mua
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	16.15	54	7.67%	Có thể tiếp tục mua
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.8	63	3.32%	Có thể tiếp tục mua
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.9	68	3.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

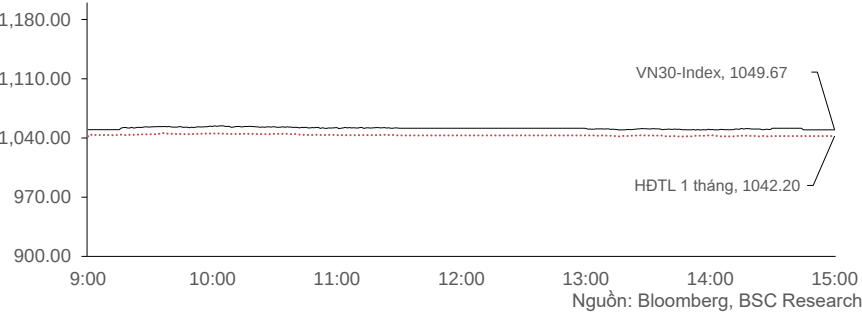
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích:		Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	0	3.83%	0.00%	3.83%	49
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1034.10	0.02%	-15.57	6.5%	33	12/21/2023	228
VN30F2305	1042.20	0.04%	-7.47	-12.9%	121,169	5/18/2023	11
VN30F2306	1039.30	0.07%	-10.37	-16.4%	463	6/15/2023	39
VN30F2309	1038.00	-0.03%	-11.67	-31.0%	20	9/21/2023	137

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -0.05 điểm xuống 1049.67 điểm, biên độ dao động 5.26 điểm. Các cổ phiếu như VCB, VIC, MSN, HDB, và VJC đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đã không giữ được đà tăng khi mở cửa. Chỉ số giằng co mạnh trong phiên chiều và kết phiên gần như không đổi so với phiên trước. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- VN30F2309 giảm theo nhịp vận động của VN30, các HDTL còn lại biến động trái chiều. Xét về khối lượng, VN30F2312 tăng, các hợp đồng còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2312 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2303	7/17/2023	69	2:1	36,000	48.81%	2,800	1,910	6.70%	548	3.49	26,140	23,900	21,800
CVNM2211	6/6/2023	28	1.91:1	170,100	22.90%	2,500	710	4.41%	2,346	0.30	78,300	66,806	70,700
CFPT2210	8/31/2023	114	10:1	279,300	24.07%	2,350	250	4.17%	120	2.09	94,700	90,000	78,900
CHPG2225	6/6/2023	28	2:1	454,700	48.81%	1,550	1,590	3.92%	2,441	0.65	21,290	17,000	21,800
CHPG2226	9/5/2023	119	4:1	152,400	48.81%	2,300	2,130	3.90%	945	2.25	23,360	19,500	21,800
CHPG2306	11/9/2023	184	8:1	343,200	48.81%	1,380	1,160	3.57%	515	2.252	23,510	20,000	21,800
CFPT2213	9/5/2023	119	10:1	60,300	24.07%	1,800	1,100	2.80%	747	1.47	87,100	74,500	78,900
CFPT2214	11/1/2023	176	10:1	125,800	24.07%	1,900	1,220	2.52%	774	1.58	89,600	76,000	78,900
CACB2208	9/5/2023	119	4:1	97,700	35.50%	1,400	1,300	2.36%	1,068	1.22	26,660	21,500	24,900
CSTB2225	11/1/2023	176	5:1	85,100	49.30%	2,900	3,650	2.24%	1,351	2.70	27,180	20,500	25,750
CFPT2212	6/6/2023	28	10:1	230,900	24.07%	1,870	930	2.20%	919	1.01	81,200	70,000	78,900
CSTB2303	11/9/2023	184	4:1	364,700	49.30%	4,500	2,840	1.79%	1,460	1.94	27,620	22,000	25,750
CSTB2224	9/5/2023	119	1:1	108,500	49.30%	2,700	3,510	1.45%	6,614	0.53	26,380	20,000	25,750
CHPG2227	11/1/2023	176	3:1	308,700	48.81%	2,400	2,200	1.38%	1,261	1.74	24,500	20,500	21,800
CVRE2216	8/31/2023	114	2.66:1	592,100	43.60%	1,650	310	0.00%	568	0.55	33,240	31,000	27,400
CMBB2213	6/6/2023	28	3:1	247,800	38.95%	1,550	590	0.00%	534	1.11	19,280	17,000	18,300
CMWG2302	11/9/2023	184	10:1	459,300	44.96%	1,350	290	0.00%	167	1.73	53,060	50,000	37,950
CVPB2214	9/5/2023	119	15.7:1	174,400	38.69%	1,100	1,010	-3.81%	209	4.83	21,480	17,000	19,450
CMSN2215	9/5/2023	119	10:1	397,200	40.29%	2,600	210	-4.55%	77	2.71	108,400	102,000	73,600
CVHM2218	6/6/2023	28	16:1	1,187,900	39.23%	1,650	130	-31.58%	38	3.43	55,140	54,000	49,300
Tổng				5,876,100	39.62%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 9/5/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2303 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 16.38%. Giá trị giao dịch tăng 4.8%. CSTB2303 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.38%.
- CMSN2214, CMWG2213, CVNM2211, và CVRE2216 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CTPB2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CHPG2225, CVNM2211, và CHPG2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
HPG	21.80	0.93	0.66
FPT	78.90	0.51	0.39
TPB	23.55	1.29	0.29
VNM	70.70	0.43	0.26
STB	25.75	0.39	0.20
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VCB	92.3	-0.75	-0.38
VIC	50.6	-0.59	-0.36
MSN	73.6	-0.67	-0.33
HDB	19.1	-0.78	-0.27
VJC	95.4	-0.93	-0.25
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	45.10	0.89	0.51	650900
GAS	94.10	1.07	0.48	276600
HPG	21.80	0.93	0.29	22.41MLN
KBC	27.50	5.36	0.27	17.80MLN
VNM	70.70	0.43	0.16	871300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	92.30	-0.75	-1	563400.00
VIC	50.60	-0.59	0	1.11MLN
SAB	165.10	-0.84	0	79400
MSN	73.60	-0.67	0	646900
VJC	95.40	-0.93	0	94500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

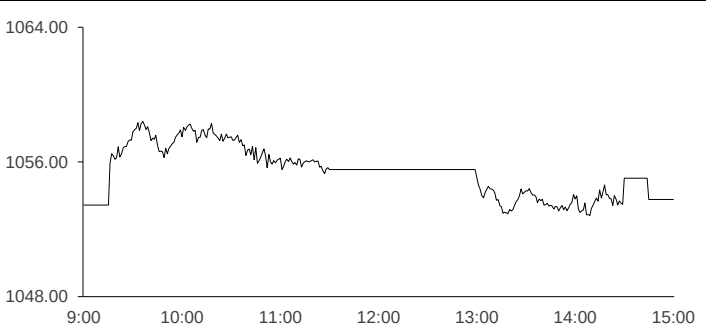
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	8.56	7.00	0.00	100.00
HHP	11.55	6.94	0.01	1.61MLN
VIX	9.41	6.93	0.09	27.55MLN
YEG	10.65	6.93	0.01	188500
EVG	3.86	6.93	0.01	7.78MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	92.30	-0.75	-0.83	563400
VIC	50.60	-0.59	-0.29	1.11MLN
SAB	165.10	-0.84	-0.23	79400.00
MSN	73.60	-0.67	-0.18	646900
VJC	95.40	-0.93	-0.12	94500

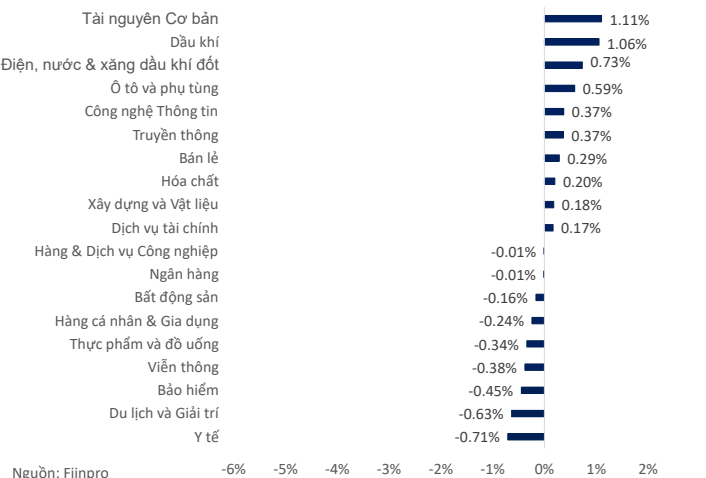
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	39.80	2.84	0.42	3.72MLN
NVB	14.00	2.19	0.25	51000
KSF	42.00	2.19	0.22	7600
THD	39.70	0.76	0.17	11300.00
BAB	13.60	0.74	0.12	4600

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	24.60	-1.20	-0.10	6.22MLN
HHC	80.00	-5.77	-0.07	500
PTI	30.00	-5.66	-0.07	2000
HUT	16.90	-0.59	-0.05	2.18MLN
DDG	6.00	-9.09	-0.05	3.89MLN

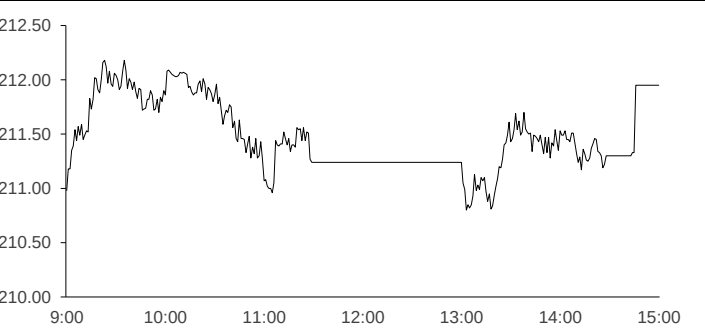
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PJC	24.20	10.0	0.01	600
PTD	16.50	10.0	0.00	8600
NBP	14.60	9.8	0.01	1600
V21	4.50	9.8	0.01	35400
DTD	24.80	9.7	0.10	1.48MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

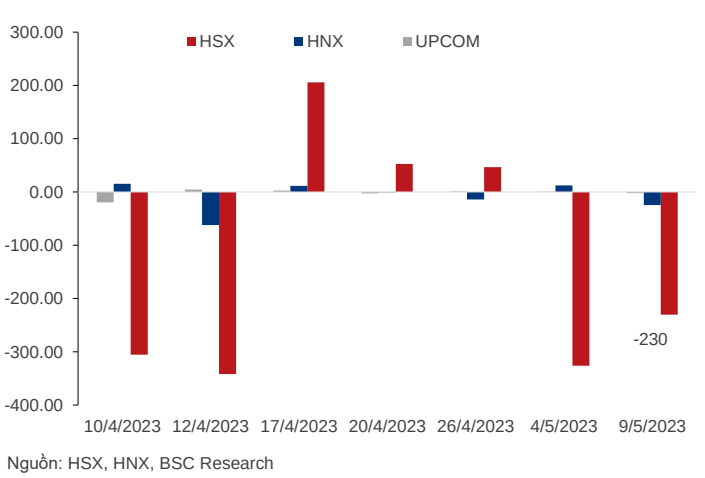
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
INC	30.80	-9.94	0.00	400
TTT	56.20	-9.94	-0.01	100
VLA	50.90	-9.91	-0.01	5100
SJ1	12.70	-9.29	-0.02	1000
CX8	5.00	-9.09	0.00	1600

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

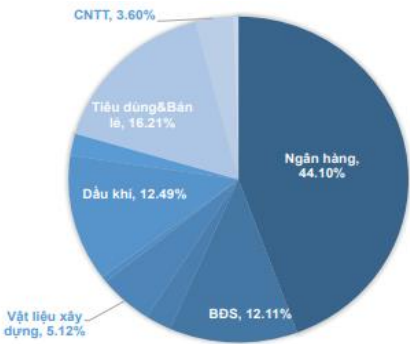
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài bảo bảo
VCB	Ngân hàng	92.3	-0.8%	0.9	18,992	2.3	7,311	12.6	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	45.1	0.9%	1.0	9,919	1.3	4,208	10.7	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.5	0.0%	1.1	5,677	4.0	3,972	4.9	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	29.3	-0.3%	1.4	4,481	2.5	14,982	2.0		17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	18.3	0.3%	1.4	3,607	3.6	14,982	1.2	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	25.8	0.4%	1.3	2,111	8.2	4,640	5.5	31,200	30.0%	Link
GVR	BDS KCN	16.2	-0.3%	1.1	2,809	2.1	4,603	3.5	19,100	23.2%	Link
KBC	BDS KCN	27.5	5.4%	1.6	918	21.0	4,880	5.6	29,800	29.2%	Link
IDC	BDS KCN	39.8	2.8%	1.7	571	6.5			52,400	42.8%	Link
VGC	BDS KCN	35.1	-0.6%	1.6	683	2.0	1,217	28.8		0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.8	0.9%	1.0	5,511	21.4	1,916	11.4	25,000	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	49.3	-0.2%	0.9	9,333	2.7	1,896	26.0	68,300	10.6%	Link
VRE	BDS	27.4	-0.2%	1.1	2,707	2.6	5,227	5.2	36,200	23.9%	Link
KDH	BDS	29.5	-1.5%	0.4	919	1.0	1,576	18.7	37,700	32.5%	Link
NLG	BDS	33.0	-2.4%	1.5	551	3.7	2,557	12.9	38,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	51.7	0.0%	1.5	854	2.4	14,120	3.7	60,500	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	33.0	0.2%	1.3	561	1.0	6,793	4.9	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	23.7	0.6%	0.8	546	1.3	2,625	9.0	29,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	94.1	1.1%	0.8	7,831	1.1	2,292	41.1	122,300	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	38.0	0.5%	1.1	2,099	1.1	1,340	28.4	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	25.9	0.8%	1.3	538	6.7	993	26.1	33,000	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	21.9	3.3%	1.5	529	10.7	7,698	2.8	26,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.4	0.4%	1.2	1,359	3.2	3,895	3.4	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	70.7	0.4%	1.2	6,424	2.7	2,605	27.1	84,500	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	73.6	-0.7%	1.1	4,556	2.1	3,456	21.3	96,000	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	38.0	0.3%	1.3	2,415	1.5	7,475	5.1	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	75.6	-0.4%	0.8	1,078	0.6	2,965	25.5	95,000	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	61.2	-0.5%	1.2	488	0.8	12,800	4.8	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	50.7	0.4%	0.7	664	0.5	7,059	7.2	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	78.9	0.5%	0.8	3,763	2.1	5,901	13.4	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.38%	0.35%	0.03%	0.00%
1 tuần	0.87%	0.94%	0.44%	-0.17%
1 tháng	-0.43%	2.20%	-1.09%	-2.57%
3 tháng	0.15%	7.46%	-0.96%	-0.97%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.0	0.4%	1.2	5,850	3.5	3,520	8.0	1.2	28.0%	16.1%
ACB	Ngân hàng	24.9	-0.2%	1.1	3,656	3.4	4,304	5.8	1.3	30.0%	26.3%
HDB	Ngân hàng	19.1	-0.8%	0.9	2,083	1.0	3,149	6.0	1.2	19.5%	22.6%
LPB	Ngân hàng	14.0	2.6%	1.6	1,052	7.9	2,732	5.1	1.0	4.7%	19.9%
VIB	Ngân hàng	20.3	-0.5%	1.3	1,856	1.5	4,163	4.9	1.3	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	15.1	-0.7%	2.1	797	5.7	489	30.8	1.3		4.8%
TPB	Ngân hàng	23.6	1.3%	1.1	1,620	3.3	4,030	5.8	1.1	30.0%	20.9%
SSI	chứng khoán	22.3	-0.2%	1.7	1,450	12.8	1,120	19.9	1.5		7.9%
CII	Xây dựng	14.7	0.3%	1.8	161	1.8	218	67.3	0.7	9.8%	1.0%
C4G	Xây dựng	12.2	0.8%	2.1	130	4.8	791	15.4	1.1	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	57.9	-1.9%	1.8	186	1.7	184	314.8	0.5	49.1%	0.2%
HHV	Xây dựng	13.2	1.5%	1.6	177	4.0	966	13.7	0.6	3.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	12.2	1.7%	2.1	101	3.0	781	15.6	0.9	3.3%	5.9%
BCM	KCN	77.7	-0.5%	0.9	3,497	0.3	1,170	66.4	4.7	2.8%	8.1%
HUT	KCN	16.9	-0.6%	1.5	256	1.6	162	104.4	1.5	2.0%	1.4%
PHR	KCN	41.9	0.2%	1.4	247	0.7	6,039	6.9	1.6	14.6%	24.1%
SZC	KCN	34.6	1.9%	1.8	150	2.8	1,323	26.1	2.2	3.2%	8.9%
HSG	Vật liệu	16.0	2.2%	2.1	415	12.7	(1,754)		0.9	16.8%	-9.6%
HT1	Vật liệu	14.1	0.0%	1.5	233	0.2	386	36.4	1.1	3.4%	2.9%
NKG	Vật liệu	15.1	3.8%	2.2	172	7.7	(2,586)		0.8	12.3%	-11.8%
PTB	Vật liệu	45.4	-0.5%	1.0	134	0.5	6,017	7.5	1.1	13.7%	19.5%
KSB	Vật liệu	25.7	2.2%	1.7	85	1.7	1,393	18.4	1.0	7.4%	5.6%
NVL	BĐS	13.0	0.4%	1.0	1,102	8.6	362	35.9	0.7	6.2%	1.9%
DXG	BĐS	13.4	0.4%	2.2	355	5.6	(240)		0.9	20.4%	-1.6%
HDC	BĐS	34.6	-0.9%	1.4	163	0.8	3,157	11.0	2.0	1.4%	20.9%
DIG	BĐS	18.5	-1.9%	2.5	491	13.1	262	70.7	1.7	5.8%	2.1%
IJC	BĐS	13.8	-0.7%	2.1	151	2.0	1,662	8.3	0.9	5.9%	11.2%
BSR	Dầu khí	16.4	0.0%	1.6	2,211	4.2	4,750	3.5	1.0	41.1%	33.2%
PVT	Dầu khí	20.6	0.2%	1.3	289	2.1	2,740	7.5	1.1	17.3%	15.4%
PLC	Săm lốp	33.0	1.2%	1.8	116	0.7	1,355	24.3	2.1	0.9%	8.2%
DRC	Tiện ích	21.1	1.2%	1.3	109	0.3	2,246	9.4	1.3	8.2%	14.4%
REE	Tiện ích	66.5	-0.4%	0.8	1,028	0.7	7,721	8.6	1.5	49.0%	18.6%
GEX	Tiện ích	13.9	0.0%	1.8	515	5.1	10	1391.9	1.0	11.9%	0.1%
NT2	Tiện ích	31.1	0.6%	0.8	389	0.6	3,245	9.6	2.0	15.9%	20.9%
HDG	Tiện ích	33.6	0.9%	1.5	357	1.3	4,718	7.1	1.5	20.8%	22.6%
PC1	Tiện ích	28.5	0.0%	1.3	335	1.0	1,257	22.6	1.5	8.4%	6.8%
GEG	Tiện ích	15.9	-1.2%	1.1	222	1.0	956	16.6	1.7	46.5%	5.7%
BCG	Dầu khí	8.7	0.2%	2.1	201	2.7	220	39.3	0.7	2.0%	1.5%
SAB	Bán lẻ	165.1	-0.8%	0.2	4,603	0.6	7,649	21.6	4.4	62.6%	22.1%
QNS	Bán lẻ	44.2	-0.7%	0.5	686	0.2	4,226	10.5	1.8	19.3%	17.5%
FRT	Bán lẻ	63.5	0.0%	1.4	327	0.9	1,863	34.1	3.8	29.4%	11.5%
DGW	Bán lẻ	33.4	1.4%	1.7	242	1.3	3,397	9.8	2.2	22.4%	24.7%
DBC	Bán lẻ	15.2	0.7%	2.0	160	1.8	(1,339)		0.9	5.9%	-7.2%
PET	Bán lẻ	24.9	-0.2%	2.4	107	0.7	1,026	24.3			4.3%
BAF	Bán lẻ	21.8	1.9%		136	1.8	1,409	15.4	1.7	0.1%	11.8%
ANV	Thủy sản	32.6	-0.5%	1.7	188	1.4	4,368	7.5	1.4	6.7%	20.1%
VSC	Logistics	28.0	-0.7%	0.5	148	0.4	2,087	13.4	1.3	3.0%	9.4%
HAH	Logistics	40.4	2.3%	1.1	124	2.3	9,072	4.5	1.2	8.5%	34.4%
CTR	Công nghệ	65.8	0.3%	1.3	327	0.8	4,040	16.3	4.3	11.0%	29.3%
TNG	Dệt may	19.5	1.6%	1.7	89	1.2	2,879	6.8	1.3	14.2%	19.3%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
21	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
23	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
24	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
25	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
26	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
28	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
29	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
32	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
35	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
38	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
41	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
42	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639